

Số: 41/2022/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 30 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định quản lý, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận*

tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 101/TTr-SGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2022 và Báo cáo số 330/BC-SGTVT ngày 04 tháng 11 năm 2022.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2023 và thay thế Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- BTT UBMTTQVN tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng: QH-XD (Đ514/12);
- Lưu: VT, Ktr03/01.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Văn Bi**



**QUY ĐỊNH**  
**Quản lý, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**  
**đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau**  
(Kèm theo Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về quản lý, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ địa phương thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã), các cơ quan khác (được giao quản lý các tuyến đường bộ) trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan khác.
2. Các cơ quan được phân cấp quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và cơ quan, đơn vị có liên quan.

**Điều 3. Phân cấp quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**

1. Sở Giao thông vận tải quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường huyện và hệ thống đường đô thị (trừ đường quốc lộ và đường tỉnh trong đô thị).
3. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường xã.
4. Các cơ quan khác được giao quản lý các tuyến đường bộ (ngoài các tuyến đường được phân cấp quản lý được quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này) có trách nhiệm quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường mình được giao quản lý.



## Chương II

# SỬ DỤNG, KHAI THÁC PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG

### **Điều 4. Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương**

Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương gồm: đất dành cho đường bộ, phần trên không, phần dưới mặt đất, phần dưới mặt nước có liên quan đến an toàn công trình và an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại các Điều 3, 4, 5, 7, 9 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT) và các khoản 1, 2 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT).

### **Điều 5. Sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương**

1. Việc khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương tuân thủ theo quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 26 và các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP), khoản 1 Điều 1 Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 117/2021/NĐ-CP) và Quy định này.

2. Dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; khu, cụm dân cư; khu thương mại dịch vụ và các công trình khác phải xây dựng theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và có hệ thống đường gom nằm ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ. Trường hợp cần phải sử dụng đất dành cho đường bộ để làm đường đầu nối vào hệ thống đường địa phương thì phải thực hiện đúng vị trí điểm đầu nối đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

3. Đối với đường dẫn ra, vào trạm dừng nghỉ, cửa hàng bán lẻ xăng dầu, các tuyến đường chuyên dùng (đường lâm nghiệp; đường phục vụ thi công; đường khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, đường gom...) phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận, cấp giấy phép thi công trước khi triển khai xây dựng công trình.



4. Trường hợp có nhu cầu cấp thiết cần phải san lấp mặt bằng trong phạm vi đất của đường bộ thì phải tuân theo các quy định sau:

a) Cao độ san lấp nền công trình hoặc mặt đường dẫn vào công trình sau khi hoàn thiện phải thấp hơn vai đường (mép ngoài của lề đường) tối thiểu 0,10 mét.

b) Duy trì thoát nước tự nhiên hoặc bố trí hệ thống thoát nước bảo đảm không để đọng nước trên mặt đường.

5. Đối với các dự án thủy lợi liên quan đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phải có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

6. Không được sử dụng gầm cầu đường bộ làm nơi ở, bãi đỗ xe và các dịch vụ kinh doanh khác.

#### **Điều 6. Xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương**

Việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT.

#### **Điều 7. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương**

1. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Quy định này chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường mình được giao quản lý.

2. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu đối với các trường hợp: công trình thiết yếu phục vụ an ninh, quốc phòng; công trình thiết yếu lắp đặt vào cầu từ cấp II trở lên theo quy định về phân cấp công trình xây dựng, cầu yếu, cầu quá thời hạn khai thác gây ảnh hưởng đến an toàn công trình cầu; công trình thiết yếu có đường kính lớn hơn 300mm (đường ống cấp nước, thoát nước, xăng, dầu, khí, năng lượng, hóa chất và các công trình thiết yếu khác có đường ống bao ngoài); công trình điện lực có điện áp từ 110kV trở lên (trừ đường dây tải điện giao cắt phía trên đường bộ có cột nằm ngoài phạm vi hành lang an toàn của đường).

3. Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu đối với các trường hợp còn lại (trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này).

4. Thủ tục chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT).



5. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu mà chủ công trình thiết yếu chưa hoàn thành thủ tục cấp phép thi công thì phải thực hiện gia hạn văn bản chấp thuận. Thủ tục gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT. Đối với trường hợp chấp thuận cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu, khi hết thời hạn trong giấy phép phải đề nghị cấp gia hạn.

**Điều 8. Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương**

1. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Quy định này cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường mình được giao quản lý.

2. Thủ tục cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT (sau đây gọi tắt là Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT). Khi hết thời hạn trong giấy phép phải đề nghị cấp gia hạn.

3. Cơ quan cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu có trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu đối với công tác hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do thi công xây dựng, sửa chữa công trình thiết yếu.

**Điều 9. Chấp thuận, cấp giấy phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống đường địa phương**

1. Việc chấp thuận, cấp giấy phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống đường địa phương thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 Điều 16 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

2. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, cấp giấy phép thi công theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

**Điều 10. Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với hệ thống đường địa phương**

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ (trừ các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chủ quản là cấp quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư), chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận quy mô, giải pháp thiết kế đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Quy định này để được xem xét, giải quyết.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác phải đề nghị cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Quy định này cấp giấy phép thi công. Thủ tục cấp phép thi công được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 18 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.



3. Đối với các dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống đường địa phương đang khai thác do các cơ quan quản lý đường bộ là chủ đầu tư, không phải đề nghị cấp giấy phép thi công; nhưng trước khi thi công, chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công phải gửi đến cơ quan quản lý đường bộ các hồ sơ gồm: Quyết định duyệt dự án, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt kể cả phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông, làm cơ sở để cơ quan quản lý đường bộ xem xét, thỏa thuận bằng văn bản về thời gian thi công, biện pháp tổ chức bảo đảm an toàn giao thông khi thi công.

4. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp giấy phép thi công nhưng phải nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

### **Chương III**

## **ĐẦU NỐI ĐƯỜNG NHÁNH VÀO ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG**

**Điều 11. Đầu nối đường nhánh vào đường bộ đối với hệ thống đường địa phương**

1. Đường nhánh đầu nối vào hệ thống đường địa phương bao gồm:
  - a) Đường đô thị, đường huyện, đường xã.
  - b) Đường chuyên dùng.
  - c) Đường gom.
  - d) Đường từ các khu vực, công trình phục vụ quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội.
2. Đường nhánh đầu nối phải thông qua điểm đầu nối thuộc danh mục các điểm đầu nối vào đường tỉnh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc có ý kiến chấp thuận vị trí đầu nối của cơ quan có thẩm quyền.
3. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối được quy định tại Điều 12 Quy định này.
4. Đầu nối đường nhánh trong phạm vi đô thị thực hiện theo quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
5. Thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào hệ thống đường địa phương phải phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô.
6. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý sử dụng nút giao điểm đầu nối phải tự xóa bỏ hoặc cải tạo nút giao và không được bồi thường, hỗ trợ khi cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền yêu cầu xóa bỏ hoặc cải tạo nút giao.
7. Cao độ đường nhánh đầu nối phải bảo đảm thoát nước trong khu vực và thấp hơn cao độ mặt đường đầu nối.



**Điều 12. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường bộ đối với hệ thống đường địa phương**

1. Trong khu vực đô thị: khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối thực hiện theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ngoài khu vực đô thị: khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề cùng phía dọc theo một bên tuyến được xác định như sau: đối với đường tỉnh không nhỏ hơn 500m, đối với đường huyện không nhỏ hơn 400m, đối với đường xã không nhỏ hơn 200m và phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ được duyệt.

Trường hợp khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề cùng phía trên đường tỉnh, đường huyện không bảo đảm khoảng cách nêu trên, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, khảo sát, lấy ý kiến của các đơn vị liên quan, làm cơ sở đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét từng trường hợp cụ thể; đối với đường xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, xem xét từng trường hợp cụ thể thuộc địa bàn quản lý. Việc chấp thuận vị trí nút giao đầu nối vào hệ thống đường bộ phải bảo đảm hoạt động giao thông thông suốt, bảo đảm an toàn giao thông và không ảnh hưởng, làm hư hại tài sản đường bộ hiện hữu.

3. Các vị trí đường nhánh đầu nối đã xây dựng, tồn tại theo chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền được tiếp tục tồn tại nhưng phải bảo đảm an toàn giao thông và phải thực hiện bổ sung hồ sơ xin phép đầu nối theo quy định; trường hợp không bảo đảm an toàn giao thông thì phải xóa bỏ trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**Điều 13. Chấp thuận vị trí đường nhánh đầu nối vào đường bộ đối với hệ thống đường địa phương**

1. Tổ chức, cá nhân (chủ đầu tư dự án) có nhu cầu đầu nối đường nhánh vào hệ thống đường địa phương phải gửi đề nghị đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Quy định này để được xem xét, giải quyết.

2. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có văn bản chấp thuận vị trí đường nhánh đầu nối mà chủ công trình chưa thực hiện thủ tục đầu nối tiếp theo thì phải thực hiện gia hạn văn bản chấp thuận, chỉ gia hạn một lần với thời gian không quá 12 tháng. Quá thời gian 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn chấp thuận, thời hạn gia hạn chấp thuận đường nhánh đầu nối, chủ đầu tư dự án không thực hiện gia hạn văn bản chấp thuận, không thực hiện thủ tục đầu nối tiếp theo thì vị trí đường nhánh đầu nối sẽ bị xóa.

3. Đối với các vị trí đầu nối có trong danh mục các điểm đầu nối vào hệ thống đường tỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt thì không phải thực hiện thủ tục chấp thuận vị trí đường nhánh đầu nối.

**Điều 14. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào đường bộ đối với hệ thống đường địa phương**

1. Trên cơ sở vị trí đầu nối có trong danh mục các điểm đầu nối vào hệ thống đường tỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận vị trí đường nhánh đầu nối, chủ đầu tư dự án hoặc chủ sử dụng nút giao phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập, gửi hồ sơ đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút



giao đầu nối vào đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo quy định tại Điều 3 Quy định này để được xem xét, giải quyết.

2. Thủ tục chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào đường bộ theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao có giá trị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký ban hành, nếu quá 12 tháng phải thực hiện việc gia hạn. Việc gia hạn như quy định đối với việc gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu tại khoản 5 Điều 7 của Quy định này.

### **Điều 15. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường bộ đối với hệ thống đường địa phương**

1. Sau khi có văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao của cơ quan có thẩm quyền, chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông và gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo quy định tại Điều 3 Quy định này để đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường bộ.

2. Thủ tục cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường bộ thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Khi hết thời hạn trong giấy phép phải đề nghị cấp gia hạn, nếu sau 05 ngày kể từ ngày hết thời hạn thi công, chủ đầu tư, chủ sử dụng nút giao không đến xin gia hạn hoặc không gửi đề nghị nghiệm thu hoàn thành công trình đến cơ quan cấp phép thi công thì xem như nút giao đầu nối chưa được phép đầu nối và tổ chức, cá nhân liên quan phải chịu xử lý vi phạm theo quy định.

4. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 02 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

6. Chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều này.

### **Điều 16. Đầu nối tạm thời có thời hạn vào đường bộ đối với hệ thống đường địa phương**

1. Đầu nối tạm thời vào đường bộ để phục vụ vận chuyển vật tư, thiết bị, máy móc thi công các dự án. Thời hạn sử dụng điểm đầu nối tạm thời không quá 12 tháng, trường hợp đặc biệt có thể gia hạn một lần nhưng tổng thời gian mở điểm đầu nối tạm thời không quá 24 tháng. Sau thời hạn 05 ngày kể từ ngày hết thời hạn đầu nối, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm xóa bỏ điểm đầu nối tạm thời và hoàn trả hành lang an toàn đường bộ như ban đầu.



Trường hợp dự án, công trình có tiến độ thi công lớn hơn 24 tháng, phải làm đường gom nối từ dự án đến nút giao điểm đầu nối gần nhất đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; nếu không còn quỹ đất để xây dựng đường gom thì việc đầu nối tạm thời phải có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với đường tỉnh, đường huyện và Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đường xã.

2. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình đề nghị cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo quy định tại Điều 3 Quy định này xem xét, giải quyết cho đầu nối tạm thời đường dẫn vào hệ thống đường địa phương.

3. Việc chấp thuận vị trí, thiết kế, cấp giấy phép thi công điểm đầu nối tạm thời vào đường bộ được thực hiện theo quy định tại các Điều 13, 14, 15 Quy định này.

#### **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI HỆ THỐNG ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG**

#### **Điều 17. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải**

1. Hướng dẫn tổ chức, chỉ đạo việc tuyên truyền, vận động, phổ biến pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý vi phạm, giải tỏa hành lang an toàn đường bộ theo thẩm quyền quản lý.

3. Thông báo cấp kỹ thuật quy hoạch của đường và giới hạn hành lang an toàn đường bộ của đường tỉnh; đảm bảo đầy đủ hệ thống cột mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ, tổ chức bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý; định kỳ có trách nhiệm duy tu, sửa chữa, thay thế cột mốc bị hư hỏng.

4. Đôn đốc, kiểm tra các đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra Sở Giao thông vận tải thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo đúng quy định của pháp luật.

5. Cấp, đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép thi công nếu gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tham gia nghiệm thu, xác nhận hết bảo hành theo quy định đối với công tác hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do thi công xây dựng, sửa chữa công trình trên hệ thống đường tỉnh.

7. Thực hiện trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

8. Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải:

a) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tuyên truyền, vận động, phổ biến đến Nhân dân những quy định của pháp luật về phạm vi đất dành cho đường bộ, phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.



b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý tuyến đường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi trách nhiệm được giao.

c) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

## **Điều 18. Trách nhiệm của các sở, ngành tỉnh**

### **1. Công an tỉnh**

Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng trong ngành kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

### **2. Sở Xây dựng**

Hướng dẫn lập quy hoạch và quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đô thị trên địa bàn tỉnh.

### **3. Sở Công Thương**

Hướng dẫn thực hiện việc xây dựng hệ thống cửa hàng xăng dầu, công trình thuộc chuyên ngành quản lý (điện lực, viễn thông...) dọc theo đường bộ phải tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và an toàn giao thông.

### **4. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc lập phương án phân bổ khoanh vùng đất đai tỉnh và kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đối với đất giao thông; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật, trong đó thể hiện rõ chỉ giới hành lang an toàn đường bộ.

### **5. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Tổ chức thẩm định các dự án, quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm tuân thủ đúng các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

### **6. Sở Thông tin và Truyền thông**

Hướng dẫn thực hiện việc lập quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông phải bảo đảm kỹ thuật và tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định.

### **7. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, phân bổ nguồn kinh phí giải tỏa hành lang an toàn giao thông đường bộ và xây dựng hệ thống đường gom dọc hai bên đường tỉnh theo hồ sơ các điểm đầu nối đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.



## 8. Trách nhiệm của các sở, ngành khác

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện và phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện Quy định này.

### **Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc sử dụng đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ, đặc biệt là việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy phép xây dựng trên đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ.

2. Phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ, xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất dành cho đường bộ, hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn quản lý.

3. Kiểm tra, đánh giá, tham gia nghiệm thu, xác nhận hết bảo hành theo quy định đối với công tác hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do thi công xây dựng, sửa chữa công trình trên hệ thống đường huyện.

4. Cấp, đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép thi công nếu gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường công tác quản lý, sử dụng vỉa hè, lòng đường, bảo đảm mỹ quan, trật tự đô thị tại các khu vực đô thị trên địa bàn quản lý.

6. Thực hiện trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và khoản 4 Điều 31 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

7. Chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải rà soát đưa quy hoạch sử dụng đất giao thông vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện; chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật, trong đó thể hiện rõ chỉ giới hành lang an toàn đường bộ.

### **Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Tuyên truyền, phổ biến đến Nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ, xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn quản lý.

3. Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới.

4. Kiểm tra, đánh giá, tham gia nghiệm thu, xác nhận hết bảo hành theo quy định đối với công tác hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do thi công xây dựng, sửa chữa công trình trên hệ thống đường xã.



5. Cấp, đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép thi công nếu gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Thực hiện công tác quản lý, sử dụng vỉa hè, lòng đường, bảo đảm mỹ quan, trật tự đô thị tại các khu vực đô thị trên địa bàn quản lý.

7. Thực hiện nhiệm vụ theo Điều 42 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và khoản 5 Điều 31 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

### **Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan khác được giao quản lý các tuyến đường bộ**

1. Kiểm tra, đánh giá, tham gia nghiệm thu, xác nhận hết bảo hành theo quy định đối với công tác hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do thi công xây dựng, sửa chữa công trình trên các tuyến đường mình được giao quản lý.

2. Cấp, đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép thi công nếu gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

### **Điều 22. Trách nhiệm của đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ**

1. Chịu trách nhiệm chính về công tác bảo vệ trong phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi lấn chiếm và sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ. Khi phát hiện vi phạm phải yêu cầu đình chỉ hành vi vi phạm và thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Thanh tra Sở Giao thông vận tải để phối hợp xử lý theo thẩm quyền.

2. Phối hợp với Thanh tra Sở Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng của chính quyền địa phương thực hiện giải tỏa công trình lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ thuộc phạm vi đơn vị được giao quản lý; định kỳ báo cáo cơ quan quản lý đường bộ cấp trên về công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

### **Điều 23. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình**

Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình thiết yếu theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT.

### **Điều 24. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này đến các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan được giao quản lý các tuyến đường bộ và Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quy định này thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.